

TÌNH HÌNH CÂN ĐỐI NSDP QUÝ II NĂM 2026

(Đính kèm Công văn số 3813/UBND ngày 08 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân Phường Bình Trị Đông)

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Ước thực hiện		Ước... tháng so (%)	
			Quý II	Lũy kế 2026	Dự toán	Cùng kỳ năm 2025
A	B	1	2	3	4=3/1	5
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	1.015,51	341,71	669,07	65,89%	-
I	Thu nội địa	1.015,51	341,71	669,07	65,89%	
II	Thu từ dầu thô					
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu					
IV	Thu viện trợ					
B	TỔNG THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	623,13	159,32	414,85	66,58%	-
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	40,37	19,12	40,35	99,94%	-
1	Các khoản thu NSDP hưởng 100%	13,05	12,76	26,51	203,20%	
2	Thuế giá trị gia tăng (phần NSDP hưởng 30%)			-		
3	Các khoản thu phân chia NSDP theo tỷ lệ %	27,32	6,36	13,84	50,63%	
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	582,76	140,20	374,50	64,26%	-
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	405,28	100,00	198,24	48,91%	
2	Thu bổ sung có mục tiêu	177,48	40,20	176,26	99,31%	
III	Thu từ quỹ dự trữ tài chính					
IV	Thu kết dư					
V	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang					
C	TỔNG CHI NSDP	623,13	151,37	226,27	36,31%	-
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	610,94	148,25	219,82	35,98%	-
1	Chi đầu tư phát triển	0,60		-	0,00%	
2	Chi thường xuyên	593,76	148,25	219,82	37,02%	
3	Chi cho vay					
4	Chi viện trợ					
5	Chi trả nợ lãi					
6	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính					
7	Dự phòng NSNN	16,58			0,00%	
8	Các nhiệm vụ chi khác					
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP	12,19	3,12	6,45	52,93%	
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau					

ƯỚC THỰC HIỆN THU NSNN QUÝ II NĂM 2026

(Đính kèm Công văn số 3813/UBND ngày 08 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân Phường Bình Trị Đông)

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Ước thực hiện		Ước... Quý so (%)	
			Quý II	Lũy kế 2026	Dự toán	Cùng kỳ năm 2025
A	B	1	2	3	4=3/1	5
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	1.015,51	341,71	669,07	65,89%	-
I	Thu nội địa	1.015,51	341,71	669,07	65,89%	-
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước					
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn ĐTNN					
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	503,67	173,45	380,68	75,58%	
4	Thuế thu nhập cá nhân	249,13	42,37	100,20	40,22%	
5	Thuế bảo vệ môi trường	3,02	2,03	2,80	92,77%	
6	Các loại phí, lệ phí	4,36	1,31	2,33	53,40%	
7	Lệ phí trước bạ	134,60	19,10	39,89	29,63%	
8	Các khoản thu về nhà, đất	92,13	87,75	112,83	122,47%	-
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp			-		
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	8,06	1,92	2,81	34,91%	
-	Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	7,47	17,84	18,16	243,07%	
-	Thu tiền sử dụng đất	76,60	68,00	91,86	119,93%	
-	Thu tiền cho thuê và tiền bán nhà thuộc sở hữu NN					
9	Thu tiền sử dụng khu vực biển					
10	Thu từ khai thác, xử lý tài sản công xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công					
11	Thu từ hoạt động xổ số					
12	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước, cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện, thu tiền sử dụng khu vực biển					
13	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu chi của Ngân hàng Nhà nước	-	-	-	-	-
-	Thu hồi vốn NSNN đầu tư tại tổ chức kinh tế					
-	Thu cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu chi của Ngân hàng Nhà nước					
14	Thu khác ngân sách, Thu quỹ đất công ích và hoa lợi công sản khác	28,60	15,70	30,35	106,12%	
II	Thu từ dầu thô					
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	-	-	-	-	-
1	Thuế GTGT thu từ hàng hóa nhập khẩu					
2	Thuế xuất khẩu					
3	Thuế nhập khẩu					
4	Thuế TTĐB thu từ hàng hóa nhập khẩu					
5	Thuế BVMT thu từ hàng hóa nhập khẩu					
6	Thuế bổ sung đối với hàng hóa nhập khẩu					
7	Thuế khác					
IV	Thu viện trợ					
B	Hoàn thuế GTGT, thuế TTĐB và các khoản thu khác	-	-	-	-	-
1	Thuế GTGT					
2	Thuế TTĐB					
3	Hoàn các khoản thu khác					
C	THU NSDP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHẦN CẤP	40,37	19,12	40,35	99,94%	-
1	Từ các khoản thu phân chia giữa NSTW và NSDP	27,32	6,36	13,84	50,63%	
2	Thuế GTGT (phần NSDP hưởng 30%)					
3	Các khoản thu NSDP hưởng 100%	13,05	12,76	26,51	203,20%	

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NSNN QUÝ II NĂM 2026

(Đính kèm Công văn số 3813/UBND ngày 08 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân Phường Bình Trị Đông)

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Ước thực hiện		Ước...Quý so (%)	
			Quý II	Lũy kế 2026	Dự toán	Cùng kỳ năm 2025
A	B	1	2	3	4=3/1	5
	TỔNG CHI NSDP	578,81	151,37	226,27	39,09%	-
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	566,62	148,25	219,82	38,79%	-
I	Chi đầu tư phát triển	0,60	-	-	0,00%	-
1	Chi đầu tư phát triển theo ngành, lĩnh vực	0,60	-	-	0,00%	
2	Chi chương trình mục tiêu quốc gia					
II	Chi trả nợ lãi					
III	Chi thường xuyên	549,44	148,25	219,82	40,01%	
	<i>Trong đó:</i>					
	- Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề	299,00	68,06	100,20	33,51%	
	- Chi khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	2,88	2,62	2,62	90,99%	
IV	Chi cho vay					
V	Chi viện trợ					
VI	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính					
VII	Dự phòng ngân sách nhà nước	16,58			0,00%	
VIII	Chi cải cách tiền lương, tinh giản biên chế					
IX	Các nhiệm vụ chi khác					
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NSTW CHO NSDP	12,19	3,12	6,45	52,93%	-
1	Chi đầu tư thực hiện các chương trình, nhiệm vụ, dự án					
2	Chi thường xuyên thực hiện các chế độ, chính sách	12,19	3,12	6,45	52,93%	
3	Chi thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia					